

Bản án số: 08/2024/HS-ST

Ngày: 21-11-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Tuyển;
2. Ông Phạm Bá Lân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Phong – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:
Ông Võ Duy Khải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 11 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2024/TLST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 13/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ tên: Nguyễn Trung V; sinh ngày 03 tháng 3 năm 1978, tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi thường trú: Số D đường Q, Phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nơi ở hiện tại: Số B B, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn P (chết) và bà Huỳnh Thị A; có vợ là Phạm Thị Hoàng O và 03 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/3/2024 cho đến nay. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ tên: Đỗ Bình S; sinh ngày 20 tháng 01 năm 1979, tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi thường trú: Số B đường C, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ P1 (chết) và bà Phan Thị H (chết); có vợ là Lê Tuyết A1 và 01 con sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/5/2024 cho đến nay. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ tên: Đỗ Quang H1; sinh ngày 01 tháng 5 năm 1981, tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi thường trú: 5 đường A, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

nghe nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ H2 (chết) và bà Nguyễn Thị S1; có vợ là Đoàn Thị Thu L và 03 con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/5/2024 cho đến nay. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Nguyên đơn dân sự*: Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ tỉnh Q.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Cẩm V1 - Giám đốc Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ Khoa học công nghệ tỉnh Q.

Địa chỉ: Số B đường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Lê Minh Đ, sinh ngày 06/02/1964;

Nơi cư trú: Số B đường P, tổ B, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt tại phiên tòa.

2. Ông Bùi Quốc D, sinh ngày 05/9/1977;

Nơi cư trú: Tổ G, Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt tại phiên tòa.

3. Bà Lê Thị Thúy H3, sinh ngày 27/10/1976;

Nơi cư trú: Số B đường N, tổ C, Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt tại phiên tòa.

4. Bà Cao Thị Mỹ H4, sinh ngày 20/9/1975;

Nơi cư trú: Số A N, tổ D, Phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt tại phiên tòa.

5. Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 05/3/1980;

Nơi cư trú: Tổ D, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt tại phiên tòa.

6. Bà Nguyễn Thị Phương D1, sinh ngày 12/8/1981;

Nơi cư trú: Thôn C, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt tại phiên tòa.

7. Ông Nguyễn Vĩnh L1, sinh ngày 09/6/1973;

Nơi cư trú: Số D đường N, tổ dân phố D, thị trấn L, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt tại phiên tòa.

8. Ông Nguyễn Văn T1, sinh ngày 26/8/1968;

Nơi cư trú: Tổ A, Phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt tại phiên tòa.

9. Bà Huỳnh Thị T2, sinh ngày 24/11/1983;

Nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

10. Bà Phạm Thị Hoàng O, sinh ngày 12/6/1984;

Nơi cư trú: Số B B, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt tại phiên tòa.

11. Ông Lê Trần Quốc Đ1, sinh ngày 14/01/1975;

Nơi cư trú: Số G đường L, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt tại phiên tòa.

12. Ông Đặng Thanh D2, sinh ngày 10/10/1988;

Nơi cư trú: K T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt tại phiên tòa.

13. Ông Đặng Tấn C, sinh ngày 19/5/1990;

Nơi cư trú: Thôn V, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt tại phiên tòa.

14. Ông Lê Văn T3, sinh ngày 04/6/1978;

Nơi cư trú: Thôn V, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt tại phiên tòa.

15. Ông Hồ Ngọc T4, sinh ngày 17/02/1971;

Nơi cư trú: Số A M, tổ E, Phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sau khi có chủ trương của UBND tỉnh Q về việc cho Trung tâm Ú (*Sau đây viết tắt là Trung tâm*) mua sắm máy móc, thiết bị và giao dự toán ngân sách năm 2018.

Ngày 21/8/2018, Trung tâm ban hành Tờ trình số 67/TTr-TTTTUDKHCN gửi Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Q về phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: Mua sắm máy móc, thiết bị chuyên dùng của Trung tâm, trong đó có 20 loại máy móc thiết bị chuyên dùng cần mua sắm với tổng số tiền: 2.139.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm ba mươi chín triệu đồng).

Ngày 17/10/2018, UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 1748/QĐ-UBND về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu mua sắm máy móc thiết bị chuyên dùng của Trung tâm, giá gói thầu: 2.139.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm ba mươi chín triệu đồng). Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước; phương thức lựa chọn nhà thầu: một giai đoạn, một túi hồ sơ; thời gian bắt

đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý IV/2018; loại hợp đồng: trọn gói, không điều chỉnh giá; thời gian thực hiện hợp đồng: không quá 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

Ngày 19/10/2018, Trung tâm ban hành Quyết định số 80/QĐ-TTUDKHCN về việc chỉ định thầu đơn vị lập Hồ sơ mời thầu và phân tích đánh giá Hồ sơ dự thầu gói thầu: Mua sắm máy móc, thiết bị chuyên dùng của Trung tâm Ư. Công ty Cổ phần X là đơn vị được chỉ định thầu. Giá nhận thầu: 6.629.000 đồng (Sáu triệu sáu trăm hai mươi chín triệu đồng); ngày 23/10/2018, Trung tâm ban hành Quyết định số 85/QĐ-TTTTUDKHCN về việc chỉ định đơn vị thẩm tra Hồ sơ mời thầu và thẩm tra kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu: Mua sắm máy móc, thiết bị chuyên dùng của Trung tâm. Công ty Cổ phần T8 được chỉ định thầu, giá nhận thầu: 2.139.000 đồng (Hai triệu một trăm ba mươi chín nghìn đồng).

Ngày 31/10/2018, Trung tâm ban hành Quyết định số 86/QĐ-TTUDKHCN về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hoá gói thầu: Mua sắm máy móc, thiết bị chuyên dùng của Trung tâm. Ngày 12/11/2018, Trung tâm ban hành hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hoá, gói thầu: mua sắm máy móc, thiết bị chuyên dùng của Trung tâm. Ngày 22/11/2018, tiến hành đóng và mở thầu, tại thời điểm đóng thầu có 03 công ty nộp hồ sơ dự thầu, bao gồm: Công ty TNHH S2 (*Sau đây viết tắt là Công ty S2*); Công ty TNHH S3 (*Sau đây viết tắt là Công ty S3*); Công ty TNHH T9 (*Sau đây viết tắt là Công ty T9*); ngày 27/11/2018, Công ty Cổ phần X ban hành Báo cáo số 61/BCĐG-CTy về kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu: mua sắm máy móc, thiết bị chuyên dùng của Trung tâm. Đề nghị bên mời thầu xem xét, mời nhà thầu: Công ty S2 đến để thương thảo, hoàn thiện hợp đồng theo quy định tại Điều 19 của Nghị định 63/2014/NĐ-CP trước khi phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, giá đề nghị thương thảo: 2.135.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm ba mươi lăm triệu đồng) đã bao gồm thuế VAT. Ngày 30/11/2018, Công ty Cổ phần T8 ban hành Báo cáo thẩm tra số 62/BC-CtyMT về kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua sắm máy móc, thiết bị chuyên dùng của Trung tâm Ư. Nhà thầu được đề nghị trúng thầu: Công ty S2, giá đề nghị trúng thầu: 2.135.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm ba mươi lăm triệu đồng).

Ngày 24/12/2018, Trung tâm chuyển tạm ứng 30% giá trị hợp đồng cho Công ty S2 với số tiền 640.500.000 đồng. Ngày 30/12/2018, Trung tâm và Công ty S2 tiến hành nghiệm thu khối lượng sản phẩm hoàn thành của gói thầu mua sắm máy móc, thiết bị chuyên dùng và bàn giao trang thiết bị máy móc cho Trung tâm. Ngày 30/12/2018, Trung tâm và Công ty S2; ngày 25/01/2019, Công ty S2 xuất hoá đơn giá trị gia tăng số: 0000378, nội dung: xuất bán theo hợp đồng kinh tế số: 55/2018/HĐKT.TB ngày 10/12/2018, tổng số tiền: 340.000.000 đồng (Ba trăm bốn mươi triệu đồng); ngày 25/01/2019, Công ty S2 xuất hoá đơn giá trị gia tăng số: 0000379, nội dung: xuất bán theo hợp đồng kinh tế số: 55/2018/HĐKT.TB ngày 10/12/2018, tổng số tiền: 1.795.000.000 đồng (Một tỷ bảy trăm chín mươi lăm triệu đồng). Như vậy, tổng số tiền Trung tâm đã thanh toán cho Công ty S2 đối với gói thầu trên là: 2.135.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm ba mươi lăm triệu đồng).

Trong quá trình thực hiện việc đấu thầu, các tổ chức, cá nhân đã có vi phạm như sau:

- Để hoàn thiện hồ sơ đề nghị phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, ông Hồ Ngọc T4, Giám đốc Trung tâm đã liên hệ với Nguyễn Trung V, giám đốc Công ty S2 qua điện thoại nhờ V cung cấp cho ông T4 03 Bảng báo giá để ông T4 cung cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Q bổ sung hồ sơ trình cấp thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Sau đó, Nguyễn Trung V đã nhờ bà Phạm Thị Hoàng O, Giám đốc Công ty TNHH MTV X1 (bà Phạm Thị Hoàng O là của vợ của V), ông Đỗ Bình S, Giám đốc Công ty T9 và bà Huỳnh Thị T2, Giám đốc Công ty TNHH S4 làm 03 Bảng báo giá, cụ thể: Công ty TNHH MTV X1 chào giá bán máy móc, thiết bị chuyên dùng cho Trung tâm là 2.139.000.000 đồng; Công ty T9 chào giá bán là 2.154.600.000 đồng; Công ty TNHH S4 chào giá bán là 2.175.800.000 đồng. Sau khi có được 03 Bảng báo giá nói trên, Nguyễn Trung V đã gửi 03 bảng báo giá cho Trung tâm. Sau đó, Trung tâm gửi 03 bảng báo giá này cho Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Q để bổ sung hồ sơ đề nghị Sở T10 thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu và trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

Trên cơ sở thông tin đấu thầu do Trung tâm đăng tải trên B, Nguyễn Trung V liên lạc với ông Đỗ Quang H1, Giám đốc Công ty S3 và ông Đỗ Bình S, Giám đốc Công ty T9 để nhờ 02 Công ty này mua hồ sơ mời thầu và tham gia đấu thầu nhằm mục đích làm “quân xanh” lót đường cho Công ty S2 trúng thầu gói thầu mua sắm này. Để Công ty S2 trúng thầu, Nguyễn Trung V đã yêu cầu Công ty S3 và Công ty T9 đưa giá dự thầu trong hồ sơ dự thầu của 02 Công ty này phải cao hơn so với giá dự thầu của Công ty S2 (Giá dự thầu của Công ty T9 là 2.178.650.000 đồng; giá dự thầu của Công ty S3 là 2.136.240.000 đồng; giá dự thầu của Công ty S2 là 2.135.000.000 đồng) nhằm mục đích cho Công ty S2 trúng thầu. Công ty S2 có trả cho Công ty S3 chi phí mua hồ sơ mời thầu nhưng Nguyễn Trung V không nhớ số tiền cụ thể đã chi. Ngoài ra, khi lập hồ sơ dự thầu, Công ty S2 còn gian lận về năng lực kinh nghiệm (kê khai gian dối về cán bộ, nhân sự chủ chốt) nhằm mục đích đáp ứng các yêu cầu về năng lực kinh nghiệm nêu trong hồ sơ mời thầu, cụ thể:

Tiến hành làm việc với 02 cá nhân có tên trong hồ sơ năng lực, kinh nghiệm của Công ty S2 (ông Đặng Tân C, sinh ngày: 19/5/1990, nơi cư trú: thôn V, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; ông Lê Văn T3, sinh ngày 04/6/1978, trú tại thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi) xác định: từ trước đến nay họ không làm việc và không ký hợp đồng lao động với Công ty S2. Chữ ký trong các hợp đồng lao động trong hồ sơ dự thầu của Công ty S2 không phải là chữ viết, chữ ký của ông C và ông T3.

Tiến hành xác minh các cá nhân có tên trong hồ sơ dự thầu của Công ty S2, gồm: ông Phạm Nam P2, sinh ngày: 15/8/1985, địa chỉ: xã Đ, huyện M; ông Đỗ Thanh H5, sinh ngày: 02/5/1989, số CMND: 212324802, địa chỉ: xã Đ, huyện M; ông Nguyễn P3, sinh ngày: 06/5/1986, số CMND: 212289825, địa chỉ: Xã T, huyện S và ông Lê Bá T5, sinh ngày: 02/02/1985, số CMND: 212260460, địa chỉ: Phường N, thành phố Q. Kết quả xác minh tại Công an các xã, phường trên

và đối chiếu với dữ liệu trên hệ thống dữ liệu dân cư quốc gia không có công dân nào có tên như trên sinh sống tại địa phương.

Tiến hành xác minh tại Công an xã B, huyện B xác định: ông Võ Duy L2, sinh ngày: 27/6/1986, số CMND: 212284672 (là cá nhân có tên trong hồ sơ dự thầu của Công ty S2) có hộ khẩu tại địa phương, tuy nhiên ông L2 hiện không có mặt ở nơi cư trú, không rõ ông L2 hiện đang ở đâu.

Tiến hành xác minh tại Công an xã N, huyện T xác định: ông Tân T6, sinh ngày: 29/9/1980, số CMND: 212594111 (là cá nhân có tên trong hồ sơ dự thầu của Công ty S2) có hộ khẩu tại địa phương, tuy nhiên ông T6 hiện không có mặt ở nơi cư trú, không rõ ông T6 hiện đang ở đâu.

Với phương thức, thủ đoạn nêu trên, Công ty S2 do Nguyễn Trung V làm Giám đốc đã trúng thầu và ký hợp đồng bán 20 loại máy móc, thiết bị chuyên dùng cho Trung tâm, được Trung tâm thanh toán với số tiền 2.135.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành kiểm tra thực tế các máy móc thiết bị của gói thầu trên tại hai đơn vị thuộc Trung tâm gồm: Trại nghiên cứu thực nghiệm và chuyển giao công nghệ và Phòng Thông tin – Hành chính, phát hiện một số máy móc, thiết bị không đưa vào sử dụng như: Máy hấp phôi nấm, giá trúng thầu 42.000.000 đồng; T7 (Buồng) sinh trưởng, giá trúng thầu: 348.000.000 đồng. Ngoài ra, có một số máy móc, thiết bị không đúng như hồ sơ thể hiện, bao gồm:

- Máy dựng phim: Theo hồ sơ VGA là NVIDIA Quadro K620 2GB DL-DVI (i) + 2 x DP 1st, nhưng thực tế VGA là: NVIDIA Quadro P600; màn hình máy tính theo hồ sơ có model: E222, không ghi hãng sản xuất nhưng thực tế là màn hình có model: E223.

- Tủ trưng bày và giới thiệu sản phẩm: Theo hồ sơ tủ có kích thước (dài x rộng x cao: 2.5 x 0.5 x 1.8)m, nhưng thực tế có kích thước (dài x rộng x cao: 2.5 x 0.8 x 1.42)m.

- Máy hấp phôi nấm: Theo hồ sơ có nhãn hiệu là MH430, P, kích thước: (dài x rộng x cao: 2.0 x 1.3 x 1.7)m nhưng thực tế là máy không có nhãn hiệu, kích thước: (dài x rộng x cao: 2.2 x 1.64 x 1.4)m.

- Cân phân tích 04 số lẻ: Theo hồ sơ có nhãn hiệu là QUINTIX214-1S, nhưng thực tế có nhãn hiệu là QUINTIX224-1S.

- Hệ thống máy camera giám sát tại Trại thực nghiệm: Theo hồ sơ, đầu ghi hình có nhãn hiệu: SNVR-6104IP, camera có nhãn hiệu: PH605IP. Tuy nhiên thực tế, đầu ghi hình có nhãn hiệu: ESC 6804, camera có 02 loại, 01 loại nhãn hiệu: ECAM-A701IP2.0 và 01 loại nhãn hiệu: ECAM-A605IP2.0.

Ngày 25/4/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q ban hành Yêu cầu định giá tài sản 252/YC-CSĐT(CSKT) yêu cầu Hội đồng định giá tài sản cấp tỉnh trong tổ tụng hình sự định giá đối với 20 thiết bị chuyên dùng do Công ty S2 bán cho Trung tâm theo gói thầu nói trên. Ngày 30/11/2023, Hội đồng định giá tài sản cấp tỉnh trong tổ tụng hình sự ban hành Kết luận định giá tài sản số 16/KL-HĐĐGTS kết luận giá trị của 20 thiết bị chuyên dùng nói trên là

1.994.468.500 đồng. Như vậy số tiền thiệt hại do hành vi sai phạm nêu trên gây ra là $(2.135.000.000đ - 1.994.468.500đ) = 140.531.500$ đồng.

Cáo trạng số 93 /CT-VKSQNG-P1 ngày 08/10/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi truy tố bị cáo Nguyễn Trung Vinh về tội “*Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng*” quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 222 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; bị cáo Đỗ Bình S và bị cáo Đỗ Quang H1 về tội “*Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 222 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Trung V, Đỗ Bình S và Đỗ Quang H1 phạm tội “*Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng*”.

Áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 222; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung V từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 222; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đỗ Quang H1 từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm cải tạo không giam giữ.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 222; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đỗ Bình S từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ.

Đề nghị khấu trừ một phần thu nhập của các bị cáo để sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Trong quá trình điều tra, xác định ông Phan Văn H6 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên qua xét hỏi, xác định ông H6 không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xác định ông H6 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[1.2] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do chính đáng, xét thấy việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định xét xử

[1.3] Những tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập là phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[1.4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định.

[2] Về trách nhiệm hình sự:

[2.1] Bị cáo Nguyễn Trung V là Giám đốc Công ty S2, bị cáo Đỗ Quang H1 là Giám đốc Công ty S3 và bị cáo Đỗ Bình S là Giám đốc Công ty T9. Công ty S2 có nhu cầu bán các loại máy móc, thiết bị cho Trung tâm Ư theo gói thầu mua sắm máy móc, thiết bị chuyên dùng của Trung tâm.

Bị cáo V đã liên lạc với bị cáo H1 và bị cáo S nhờ mua hồ sơ mời thầu và tham gia đấu thầu trong khi Công ty S3 và Công ty T9 không có nhu cầu bán các loại máy móc này, nhằm mục đích giúp cho Công ty S2 trúng thầu. Để Công ty S2 trúng thầu, bị cáo V đã yêu cầu Công ty S3 và Công ty T9 đưa giá dự thầu trong hồ sơ dự thầu của 02 Công ty này cao hơn so với giá dự thầu của Công ty S2 (Giá dự thầu của Công ty T9 là 2.178.650.000 đồng; giá dự thầu của Công ty S3 là 2.136.240.000 đồng; giá dự thầu của Công ty S2 là 2.135.000.000 đồng). Hành vi của các bị cáo là *“Thỏa thuận để một hoặc nhiều bên chuẩn bị hồ sơ dự thầu cho các bên tham dự thầu để một bên thắng thầu”* là hành vi thông thầu bị cấm theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 89 Luật Đấu thầu.

Ngoài ra, khi lập hồ sơ dự thầu, Công ty S2 còn gian lận về năng lực kinh nghiệm (kê khai gian dối về cán bộ, nhân sự chủ chốt của công ty) nhằm mục đích đáp ứng các yêu cầu về năng lực kinh nghiệm nêu trong hồ sơ mời thầu.

Kết quả, Công ty S2 đã trúng thầu và ký hợp đồng bán 20 loại máy móc, thiết bị chuyên dùng cho Trung tâm Ư, được Trung tâm thanh toán với số tiền 2.135.000.000 đồng, theo kết luận định giá thì giá trị của 20 thiết bị chuyên dùng nói trên là 1.994.468.500 đồng. Như vậy, số tiền thiệt hại do hành vi của các bị cáo gây ra là 140.531.500 đồng.

[2.2] Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, là Giám đốc các doanh nghiệp, bắt buộc các bị cáo phải biết thông thầu là hành vi bị cấm theo quy định tại Điều 89 Luật Đấu thầu, nhưng vẫn cố tình thực hiện gây thiệt hại tài sản của Nhà nước, hành vi của các bị cáo vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Điều 89 Luật Đấu thầu; bị cáo V còn có hành vi gian lận trong đấu thầu, vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 Điều 89 Luật Đấu thầu. Cáo trạng số 93/CT-VKSQNG-P1 ngày 08/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi truy tố bị cáo Nguyễn Trung V về tội *“Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng”* quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 222 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; bị cáo Đỗ Bình S và bị cáo Đỗ

Quang H1 về tội “*Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 222 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ.

[2.3] Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm, tuy nhiên việc thỏa thuận làm hồ sơ dự thầu của các bị cáo là hành vi thông thầu, đây đã là dấu hiệu định tội nên các bị cáo không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức.

[2.4] Hành vi của các bị cáo Nguyễn Trung V, Đỗ Bình S và Đỗ Quang H1 đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng nên cần phải xử lý nghiêm đối với các bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội. Trong vụ án, bị cáo V là người khởi xướng và thực hiện hành vi tích cực nhất nên phải bị áp dụng hình phạt nghiêm khắc hơn các bị cáo khác; bị cáo S và H1 đều chỉ vì mối quan hệ quen biết nên giúp đỡ bị cáo V chứ không hưởng lợi gì từ việc trúng thầu của Công ty S2.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều lần đầu phạm tội, quá trình điều tra đã khai báo rõ ràng, thái độ ăn năn, hối cải; bị cáo V đã nộp 140.531.500 đồng để khắc phục hậu quả; bị cáo S có thành tích xuất sắc trong công tác được Trung ương Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam tặng Bằng khen; bà nội, mẹ và cha của bị cáo S có công cách mạng; các bị cáo V, H1 tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội tại nhiều địa phương trên cả nước. Vì vậy, bị cáo V được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; bị cáo S được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; bị cáo H1 được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Các bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú rõ ràng, nên áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục và cũng để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, cải tạo bản thân để trở thành công dân tốt, tuân thủ pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo V trình bày thu nhập mỗi tháng của bị cáo khoảng 15.000.000 đồng; các bị cáo S, H1 thu nhập mỗi tháng thấp nhất khoảng 5 triệu đồng, vì vậy cần khấu trừ một phần thu nhập của các bị cáo để sung quỹ Nhà nước.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Trung V tự nguyện chịu trách nhiệm hoàn trả toàn bộ thiệt hại cho ngân sách Nhà nước nên ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo V, buộc bị cáo V hoàn trả số tiền 140.531.500 đồng cho Trung tâm để Trung tâm nộp lại cho ngân sách Nhà nước tỉnh Q. Bị cáo Nguyễn Trung V đã nộp 140.531.500 đồng, hiện số tiền này đang được gửi vào tài khoản số 3949.0.1054192.00000 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi tại kho bạc Nhà nước tỉnh Q. Do đó, tiếp tục tạm giữ số tiền 140.531.500 đồng để đảm bảo cho việc thi hành án đối với khoản tiền buộc bị cáo Nguyễn Trung V nộp.

[6] Xử lý vật chứng: Các vật chứng thu giữ khi khám xét nơi làm việc của bị cáo Nguyễn Trung V là chứng cứ được lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

[7] Về những vấn đề khác liên quan trong vụ án:

[7.1] Ông Lê Minh Đ, Giám đốc Công ty Cổ phần X có trách nhiệm phân tích, đánh giá hồ sơ dự thầu. Trên cơ sở đối chiếu tài liệu trong hồ sơ dự thầu so với tiêu chí nêu trong hồ sơ mời thầu thấy đảm bảo tiêu chí thì chấm chọn đơn vị trúng thầu; ông Bùi Ngọc D3, Giám đốc Công ty Cổ phần T8 căn cứ vào các văn bản pháp luật quy định về việc lập hồ sơ mời thầu, phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu để thẩm tra việc lập hồ sơ mời thầu và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu có đúng với quy định của pháp luật hay không. Quá trình điều tra, không có tài liệu chứng minh Công ty Cổ phần X và Công ty Cổ phần T8 thông đồng với Công ty S2 để tạo điều kiện cho Công ty S2 trúng thầu.

[7.2] Đối với ông Hồ Ngọc T4, Giám đốc Trung tâm.

Quá trình điều tra xác định: Do ông Hồ Ngọc T4 có mối quan hệ quen biết với Nguyễn Trung V nên ông Hồ Ngọc T4 có nhờ Nguyễn Trung V thu thập giúp 03 bảng báo giá để hoàn thiện hồ sơ trình cấp thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Quá trình điều tra không có chứng cứ chứng minh ông Hồ Ngọc T4 đã thông đồng với Nguyễn Trung V lập các bảng báo giá không đúng thực tế. Thiệt hại trong vụ án này là do hành vi thông thầu và gian lận trong đấu thầu của các bị cáo, hành vi sai phạm trong việc thu thập báo giá của ông T4 không phải là nguyên nhân dẫn đến thiệt hại, không đủ yếu tố cấu thành tội phạm “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

[7.3] Đối với ông Nguyễn Văn T1, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Q: Đối với việc xác lập hồ sơ mời thầu, chấm thầu, công nhận kết quả lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu mua sắm máy móc thiết bị chuyên dùng của Trung tâm thì Sở K đã phân cấp cho Trung tâm thực hiện. Qua điều tra, không có tài liệu chứng minh ông Nguyễn Văn T1 vì vụ lợi mà móc nối hoặc can thiệp trái pháp luật để Công ty S2 trúng thầu đối với gói thầu nói trên.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Trung V, Đỗ Bình S và Đỗ Quang H1 phạm tội “*Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng*”.

1.1. Áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 222; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung V 02 (Hai) năm cải tạo không giam giữ. Thời điểm chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Trung V cho Ủy ban nhân dân Phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, nơi bị cáo cư trú trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Khấu trừ thu nhập của bị cáo Nguyễn Trung V mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời gian khấu trừ thu nhập tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án cho đến khi chấp hành xong án phạt cải tạo không giam giữ.

1.2. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 222; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đỗ Bình S 01 (Một) năm cải tạo không giam giữ. Thời điểm chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Đỗ Bình S cho Ủy ban nhân dân phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, nơi bị cáo cư trú trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Khấu trừ thu nhập của bị cáo Đỗ Bình S mỗi tháng 500.000 đồng. Thời gian khấu trừ thu nhập tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án cho đến khi chấp hành xong án phạt cải tạo không giam giữ.

1.3. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 222; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đỗ Quang H1 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời điểm chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Đỗ Quang H1 cho Ủy ban nhân dân phường A2, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, nơi bị cáo cư trú trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Khấu trừ thu nhập của bị cáo Đỗ Quang H1 mỗi tháng 500.000 đồng. Thời gian khấu trừ thu nhập tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án cho đến khi chấp hành xong án phạt cải tạo không giam giữ.

2. Buộc bị cáo Nguyễn Trung V hoàn trả số tiền 140.531.500 đồng cho Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ tỉnh Q để Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ tỉnh Q hoàn trả lại cho ngân sách Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi.

3. Về xử lý vật chứng: Tiếp tục tạm giữ số tiền 140.531.500 đồng đang được gửi trong tài khoản số 3949.0.1054192.00000 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi tại kho bạc Nhà nước tỉnh Q để đảm bảo cho việc thi hành án đối với khoản tiền buộc bị cáo Nguyễn Trung V nộp.

(Theo Ủy nhiệm chi chuyển khoản ngày 21/11/2024 giữa Cơ quan điều tra Công an tỉnh Q và Kho bạc nhà nước tỉnh Q).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Trung V, Đỗ Bình S, Đỗ Quang H1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Kháng cáo: Bị cáo; nguyên đơn dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- PC03 - Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Thị Mỹ Giang

- Những người tham gia tổ tụng khác;
- UBND phường Nguyễn Nghiêm, TP. Quảng Ngãi;
- UBND phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng.
- UBND phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Hình sự.